

PHỤ LỤC 08: BIỂU PHÍ ĐỐI VỚI TÀI KHOẢN "ĐẸP NHƯ Ý" VÀ "ĐẸP NHƯ Ý - SỐ NGẮN" (Áp dụng từ ngày 01/01/2025)

STT	Danh mục các loại phí	MÃ PHÍ	MỨC PHÍ TỐI THIỂU/ MỨC TẠM KHÓA (PHONG TỎA) TỐI THIỂU (ĐVT: VND)	CĂN CỨ TÍNH	NHÓM GIẢM PHÍ
A	PHÍ MỞ TÀI KHOẢN				A
I	Tài khoản Đẹp Như Ý				
1.1	Loại 1 - Số Đẹp Như Ý	F0	Theo thỏa thuận		A.1
		F1	8.000.000	01 tài khoản	
		F2	5.000.000	01 tài khoản	
		F3	3.000.000	01 tài khoản	
		F4	2.000.000	01 tài khoản	
1.2	Loại 2 - Số Chọn Như Ý	F5	Chọn 3 ký tự	200.000	A.2
			Chọn 4 hoặc 5 ký tự	500.000	
			Chọn 6 hoặc 7 ký tự	1.000.000	
			Chọn 8 hoặc 9 ký tự	1.500.000	

STT	Danh mục các loại phí		MÃ PHÍ	MỨC PHÍ TỐI THIỂU/ MỨC TẠM KHÓA (PHONG TỎA) TỐI THIỂU (ĐVT: VND)		CĂN CỨ TÍNH	NHÓM GIẢM PHÍ
II	Tài khoản Đẹp Như Ý - Số Ngắn						
2.1	Loại 1 - Số Đẹp Như Ý	6F0		Theo thỏa thuận			A.1
		6F1		20.000.000	01 tài khoản		
		6F2		15.000.000	01 tài khoản		
		6F3		8.000.000	01 tài khoản		
		6F4		5.000.000	01 tài khoản		
2.2	Loại 2 - Số Chọn Như Ý	6F5		1.000.000	01 tài khoản	A.2	
B	TẠM KHÓA (PHONG TỎA) SỐ DƯ TỐI THIỂU						A
I	Tài khoản Đẹp Như Ý						
1.1	Loại 1 - Số Đẹp Như Ý	F0		Theo thỏa thuận			A.1
		F1		15.000.000	01 tài khoản		
		F2		10.000.000	01 tài khoản		
		F3		8.000.000	01 tài khoản		
		F4		6.000.000	01 tài khoản		
1.2	Loại 2 - Số Chọn Như Ý	F5	Chọn 3 ký tự	1.000.000	01 tài khoản	A.2	
			Chọn 4 hoặc 5 ký tự	2.000.000	01 tài khoản		
			Chọn 6 hoặc 7 ký tự	3.000.000	01 tài khoản		
			Chọn 8 hoặc 9 ký tự	5.000.000	01 tài khoản		
II	Tài khoản Đẹp Như Ý - Số Ngắn						

STT	Danh mục các loại phí	MÃ PHÍ	MỨC PHÍ TỐI THIỂU/ MỨC TẠM KHÓA (PHONG TỎA) TỐI THIỂU (ĐVT: VND)	CĂN CỨ TÍNH	NHÓM GIẢM PHÍ
2.1	Loại 1 - Số Đẹp Như Ý	6F0	Theo thỏa thuận		A.1
		6F1	30.000.000	01 tài khoản	
		6F2	20.000.000	01 tài khoản	
		6F3	16.000.000	01 tài khoản	
		6F4	12.000.000	01 tài khoản	
2.2	Loại 2 - Số Chọn Như Ý	6F5	3.000.000	01 tài khoản	A.2
C	PHÍ ĐÓNG TÀI KHOẢN				A
I	Đối với KH lựa chọn nộp phí mở tài khoản		Tại Phụ lục 01A -Biểu phí giao dịch tài khoản thanh toán gói tài khoản thanh toán và giao dịch tiền mặt		
II	Đối với KH lựa chọn Tạm khóa (Phong tỏa) số dư khi mở tài khoản				
2.1	KH đóng tài khoản trước 12 tháng kể từ ngày mở tài khoản		100% mức phí mở tài khoản tương ứng, tối thiểu 50.000 VND	01 tài khoản	
2.2	KH đóng tài khoản sau 12 tháng kể từ ngày mở tài khoản	F0, F1, F2, 6F0, 6F1, 6F2	20% mức phí mở tài khoản tương ứng, tối thiểu 50.000 VND	01 tài khoản	
		F3, F4, F5, 6F3, 6F4, 6F5	10% mức phí mở tài khoản tương ứng, tối thiểu 50.000 VND	01 tài khoản	
2.3	KH đóng tài khoản sau 24 tháng kể từ ngày mở tài khoản		Miễn phí		
Ví dụ: KH thông thường mở tài khoản loại 2 - số Chọn Như Ý: Số dư tạm khóa tài khoản 6F5 là 3.000.000 VND. KH tham gia chương trình khuyến mại do PVcomBank triển khai được giảm 30% số dư tạm khóa. Sau 13 tháng KH có nhu cầu đóng tài khoản. Vậy: Số dư tạm khóa của KH là: 3.000.000 VND * 70% = 2.100.000 VND; Mức phí đóng tài khoản Số chọn Như Ý là: 1.000.000 VND * 10% = 100.000 VND.					

Ghi chú:

1. Biểu phí tài khoản Đẹp Như Ý – Số ngắn với độ dài ký tự khác dưới 12 ký tự: Theo quy định của Tổng Giám đốc trong từng thời kỳ.
2. Biểu phí chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (VAT). Khi thu phí dịch vụ, PVcomBank sẽ thu thêm 10% VAT theo quy định của pháp luật, ngoại trừ trường hợp pháp luật quy định khác.
3. Đối với KH thực hiện mở Tài khoản Đẹp Như Ý hoặc Tài khoản Đẹp Như Ý – Số Ngắn tại quầy hoặc các kênh bán hàng khác theo Quy định của PVcomBank từng thời kỳ, KH có thể lựa chọn một trong hai hình thức: Nộp phí Mở tài khoản theo quy định của PVcomBank từng thời kỳ hoặc đồng ý tạm khóa số dư trên tài khoản. Trong trường hợp KH có nhu cầu được chấm dứt tạm khóa số dư, KH thanh toán phí mở tài khoản (theo biểu phí nêu trên).
4. Đối với tài khoản Tài khoản Đẹp Như Ý hoặc Tài khoản Đẹp Như Ý – Số Ngắn có loại tiền tệ khác Việt Nam đồng (VND) (là Đồng Đô la Mỹ (USD)/ Đồng tiền khác) do Tổng Giám đốc quyết định trong từng thời kỳ: Số dư tạm khóa tối thiểu được quy đổi từ loại tiền Việt Nam Đồng (VND) sang giá trị Đồng Đô la Mỹ USD/ Đồng tiền khác theo tỷ giá bán tiền mặt USD được PVcomBank niêm yết tại thời điểm mở tài khoản.
Ví dụ: KH có nhu cầu mở tài khoản số ngắn bằng USD. Tài khoản loại 1 – Số đẹp Như Ý – số ngắn: Mức số dư tạm khóa tối thiểu 6F4 là 12.000.000 VND. Tỷ giá bán tiền mặt USD được PVcomBank niêm yết tại thời điểm mở tài khoản số đẹp cho KH là 22.000 VND thì số dư tạm khóa của KH là:
 $12.000.000 \text{ VND} / 22.000 \text{ VND} = 545 \text{ USD}$
5. Về chấm dứt tạm khóa số dư:
Điều kiện chấm dứt tạm khóa số dư tối thiểu: KH đáp ứng 1 trong các điều kiện sau:
 - Trong vòng 06 tháng (kể từ thời điểm KH mở Tài khoản), KH duy trì được số dư bình quân từ 300% Số tiền tạm khóa (không bao gồm số tiền tạm khóa).
Ví dụ: KH thông thường mở tài khoản số Chon Như Ý – số ngắn: Mức phí tạm khóa số dư 6F5 là 3.000.000 VND thì KH được mở tạm khóa số dư nếu KH duy trì số dư bình quân trong 06 tháng tối thiểu = $300\% * 3.000.000 \text{ VND} = 9.000.000 \text{ VND}$.
 - KH thanh toán phí mở tài khoản (theo biểu phí nêu trên).
 - KH thuộc Đối tượng áp dụng tại Khoản (a) và Khoản (b) Lưu ý số 6 - Phụ lục này.
Lưu ý: Trong quá trình tạm khóa số dư, cán bộ Phòng Dịch vụ Khách hàng cần lưu ý để nhập liệu cú pháp chính xác tại trường Description và thao tác tạm khóa số dư phải thực hiện cùng ngày mở tài khoản.

6. Chính sách giảm phí mở tài khoản tại biểu phí này:

a. Đối với nhóm KH là Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên:

STT	Đối tượng áp dụng	Mức giảm so với biểu phí	Căn cứ chứng minh
1	- KH Private; - KH có chức danh Lãnh đạo cấp cao tại các đơn vị chiến lược PN1, PN2, PN3.	- Tài khoản Loại 1 - Số đẹp Như Ý: 70% - Tài khoản Loại 2 - Số chọn Như Ý: 100%	Theo định danh của KH trên hệ thống core T24 của PVcomBank.
2	KH Premier	- Tài khoản Loại 1 - Số đẹp Như Ý: 50% - Tài khoản Loại 2 - Số chọn Như Ý: 70%	
3	- KH Experience; - KH Family; - KH là Lãnh đạo cấp trung và CBNV tại các đơn vị chiến lược PN1, PN2, PN3.	50%	

b. Đối với nhóm Khách hàng khác:

STT	Đối tượng áp dụng	Mức giảm so với biểu phí	Căn cứ chứng minh
1	- KH là Hộ kinh doanh; - KH là doanh nghiệp siêu nhỏ; - KH là lãnh đạo cấp cao/cấp trung của Đơn vị hưởng lương từ Ngân sách Nhà Nước, Đơn vị trả lương	100%	Lãnh đạo Phòng KH NSNN và DVTL chịu trách nhiệm phê duyệt cấp tài khoản số đẹp theo từng trường hợp.

7. Biểu phí và bảng minh họa có thể thay đổi theo quy định của PVcomBank từng thời kỳ. Ngoài việc nộp phí mở tài khoản tài khoản, KH vẫn phải đảm bảo tuân thủ số dư tối thiểu duy trì trên tài khoản thanh toán theo quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ.